

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số:68/2020/HS-ST

Ngày 21-02-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cần.
2. Ông Trần Văn Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 18/2020/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Lê Tuấn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1995 tại Thành phố H; Địa chỉ thường trú và cư trú: Số 8/2, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quốc T và bà Phạm Thị Thùy L; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 27/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 136/2015/HSST(đã xóa án tích);

- Ngày 17/10/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01(một) năm 08 (tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma Ty” tại bản án số 176/2019/HSST;

Bị cáo hiện đang chấp hành án theo bản án số 176/2019/HSST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tại Trại tạm giam (B5) thuộc Công an tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Phạm Nhật M, sinh năm 1999; ngụ tại: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Phạm Thị Thùy L, sinh năm 1971, ngụ tại khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Lê Tuấn T và Phạm Nhật M (sinh năm 1999, ngụ tại: khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đ là bạn bè quen biết với nhau. Vào khoảng 04 giờ 30 ngày 29 tháng 5 năm 2019, T đi bộ đến nhà ông Phạm Hùng S (sinh năm 1974) tại địa chỉ số khu phố B, phường T, thành phố Biên Hòa chơi. Khi đi lên gác nhà ông S thì T gặp M đang làm thuê cho ông S, tại đây hai người xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, sau đó T đi xuống dưới trệt thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô hiệu SUPRISEBEST màu xanh biển số 60L1-1734 của anh M đang dựng dưới sân nhà ông S, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có ai trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe này. Thực hiện ý định trên, T liền tiếp cận chiếc xe của anh M nổ máy chạy về nhà tại khu phố A, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cất giấu và sử dụng. Đến khoảng 03-04 ngày sau, T cho người bạn tên Nhật (không rõ họ và địa chỉ) mượn nhưng không thấy Nhật trả lại và không liên lạc được với Nhật. Ngày 13 tháng 6 năm 2019, qua trình báo của anh M, Công an phường T đã mời T về trụ sở làm việc và tại đây T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp trên nên Công an phường T đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa khởi tố, điều tra xử lý.

(Biên bản ghi lời khai của bị can tại các bút lục số: 39 – 49);(Biên bản ghi lời khai của người bị hại và người có quyền lợi, liên quan tại các bút lục số: 20 – 22, 29 – 38);

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô hiệu SUPRISEBEST màu xanh, biển số 60L1-1734, số máy: 10334779, số khung: 20014074 bị can T chiếm đoạt, là xe mô tô của anh Nguyễn Thành H (sinh năm 1994, ngụ tại địa chỉ khu phố 5, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) cho anh M mượn. Sau khi chiếm đoạt, bị can T đã cho đổi tượng tên Nhật mượn và chưa trả lại nên Cơ quan điều tra không thu hồi được;

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 343/TCKH-HĐĐG ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 xe mô tô hiệu SUPRISEBEST màu xanh, biển số 60L1-1734, số máy: 10334779, số khung: 20014074, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 40%, trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)”. (Bút lục số: 27, 28).

Về dân sự:

- Người bị hại là anh Phạm Nhật M đã được bà Phạm Thị Thùy L (là mẹ ruột của bị cáo T) bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và anh M không có yêu cầu bồi thường gì khác. (Bút lục số: 38)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành H đã được anh Phạm Nhật M bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và không yêu cầu bồi thường gì thêm. (Bút lục số: 35)

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 53/CT-VKSBH ngày 14/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Lê Tuấn T về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Lê Tuấn T từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

4. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại anh Phạm Nhật M trình bày trong hồ sơ vụ án: Tài sản đã nhận lại nên không yêu cầu gì; xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thùy L trình bày: Bà là mẹ của bị cáo Lê Tuấn T. Số tiền 5.000.000 đồng bồi thường cho người bị hại là do bị cáo tác động nên bà bỏ tiền ra bồi thường. Bà không yêu cầu bị cáo

T trả lại số tiền trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- *Lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thành H vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên anh Hữu đã được bồi thường giá trị tài sản và không có yêu cầu bồi thường, đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại nhà số 433/8, khu phố 5B, phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Lê Tuấn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu SUPRISEBEST màu xanh, biển số 60L1-1734, số máy: 10334779, số khung: 20014074, trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của anh Phạm Nhật M thì bị phát hiện, khởi tố, điều tra xử lý.

- Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã từng bị Tòa án xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

- Về tội danh: Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Lê Tuấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 53/CT-VKSBH ngày 14/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Lê Tuấn T về tội “trộm cắp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tác động mẹ ruột tự nguyện bồi thường thiệt hại, được người bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt; thuộc trường hợp được quy định tại điểm b, h, s, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Lê Tuấn T để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại là anh Phạm Nhật M đã được bà Phạm Thị Thùy L là mẹ ruột của bị cáo T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành H đã được anh Phạm Nhật M bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do anh M và anh Hữu không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

Bà Phạm Thị Thùy L không có yêu cầu Lê Tuấn T trả lại số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đã bồi thường cho anh M nên không xem xét.

[4] Về vật chứng và các vấn đề khác có liên quan vụ án:

- Đối với xe mô tô hiệu SUPRISEBEST màu xanh, biển số 60L1-1734, số máy: 10334779, số khung: 20014074 bị cáo T chiếm đoạt, đã cho đối tượng tên

Nhật mượn và chưa trả lại nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét.

- Đối với đối tượng Nhật (không rõ họ và địa chỉ) chưa xác minh và làm việc được, Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau theo quy định pháp luật

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo, anh M, bà L được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ Khoản 1, Điều 173; điểm b, h, s, Khoản 1 và Khoản 2, Điều 51; Khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T 08 (tám) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 01(một) năm 08 (tám) tháng tù tại bản án số 176/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; buộc bị cáo Lê Tuấn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là) 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 7 năm 2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Tuấn T phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

Đỗ Thị Huệ